

ASSESSMENT OF FACTORS INFLUENCING THE PERSPECTIVES OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY STUDENTS ON THE APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN LEARNING DURING THE YEAR 2024-2025

Pham Thanh Suol¹, Nguyen Phuc Hung^{1*},
Vo Thi My Huong¹, Nguyen Phu Vinh², Tran Ba Kien³, Le Thi Thanh Yen¹, Ngo Phuong Thao¹

¹Can Tho University of Medicine and Pharmacy - 179 Nguyen Van Cu, Tan An Ward, Can Tho City, Vietnam

²Van Hien University - 665-667-669 Dien Bien Phu, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

³Hai Duong Central College of Pharmacy - 324 Nguyen Luong Bang, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong City, Vietnam

Received: 12/09/2025

Revised: 02/10/2025; Accepted: 09/10/2025

ABSTRACT

Objective: To identify determinants of students' general perception of applying artificial intelligence in learning at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in the academic year 2024-2025.

Methods: A cross-sectional online survey (Google Forms) was conducted from May 2024 to May 2025. Scales were validated via exploratory and confirmatory factor analyses; model relationships were tested using PLS-SEM.

Results: Of 1,676 respondents, 60% were female and 78.2% majored in pharmacy. The study found that 4 constructs with 14 indicators showed good reliability and validity. 3 factors positively predicted general perception of artificial intelligence: trust ($\beta = 0.409$; $f^2 = 0.259$), social influence ($\beta = 0.279$; $f^2 = 0.141$), and media influence ($\beta = 0.274$; $f^2 = 0.125$). The model accounted for 74.2% of the variance (adjusted $R^2 = 0.742$).

Conclusions: Building trust through structured training, safety and ethics guidance, and evidence of educational benefits should be prioritized. Leveraging social and media influences can further shape positive norms for artificial intelligence adoption in medical education.

Keywords: Artificial intelligence, student perception, medical education.

*Corresponding author

Email: nphung@ctump.edu.vn Phone: (+84) 909754664 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD18.3443>

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ VỀ VIỆC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP NĂM 2024-2025

Phạm Thành Suôi¹, Nguyễn Phục Hưng^{1*},
Võ Thị Mỹ Hương¹, Nguyễn Phú Vinh², Trần Bá Kiên³, Lê Thị Thanh Yến¹, Ngô Phương Thảo¹

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, P. Tân An, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

²Trường Đại học Văn Hiến - 665-667-669 Điện Biên Phủ, P. Bàn Cờ, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

³Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương - 324 Nguyễn Lương Bằng, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Phòng, Việt Nam

Ngày nhận: 12/09/2025

Ngày sửa: 02/10/2025; Ngày đăng: 09/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Đánh giá các yếu tố liên quan đến quan điểm chung về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2025.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thực hiện thông qua khảo sát sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong khoảng thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 5/2025 bằng bộ câu hỏi trực tuyến dựa trên nền tảng Google Forms.

Kết quả: Trong số 1676 sinh viên tham gia nghiên cứu, nữ giới (60%) đang theo học ngành dược học (78,2%) chiếm đa số. Nghiên cứu ghi nhận 4 cấu phần với 14 biến quan sát đạt độ tin cậy và giá trị đo lường tốt. 3 yếu tố dự báo thuận chiều quan điểm chung gồm: sự tin tưởng ($\beta = 0,409$; $f^2 = 0,259$), ảnh hưởng xã hội ($\beta = 0,279$; $f^2 = 0,141$) và ảnh hưởng truyền thông ($\beta = 0,274$; $f^2 = 0,125$). Mô hình giải thích 74,2% biến thiên quan điểm (R^2 hiệu chỉnh = 0,742).

Kết luận: Cần ưu tiên gia cố niềm tin vào trí tuệ nhân tạo thông qua đào tạo chính khóa, hướng dẫn an toàn, đạo đức và minh chứng hiệu quả; đồng thời tận dụng ảnh hưởng xã hội và truyền thông định hướng để thúc đẩy tích hợp trí tuệ nhân tạo trong dạy-học y dược.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, nhận thức của sinh viên, giáo dục y tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence - AI), đã tạo ra những thay đổi sâu rộng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong giáo dục, AI mở ra cơ hội tiếp cận tri thức hiện đại, hỗ trợ giảng viên và sinh viên nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. Đối với lĩnh vực y dược - nơi đòi hỏi kết hợp giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành - việc ứng dụng AI trong đào tạo được xem là xu thế tất yếu, góp phần hỗ trợ người học trong quá trình tự học, mô phỏng lâm sàng và phát triển năng lực tư duy lâm sàng. Một số nghiên cứu quốc tế đã khẳng định tầm quan trọng của việc trang bị kiến thức và kỹ năng liên quan đến AI cho sinh viên y khoa cho thấy sinh viên cần được trang bị đầy đủ kiến thức để ứng dụng AI trong y học lâm sàng

[1-3] dự báo nhiều tác động tích cực của AI trong y học, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hướng dẫn về đạo đức và ứng dụng AI trong giáo dục y tế. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI trong học tập không chỉ đem lại cơ hội mà còn đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt liên quan đến khả năng tiếp cận công nghệ phù hợp với đặc thù ngành y dược. Thực tế cho thấy hiện nay vẫn còn ít nghiên cứu trong nước tập trung đánh giá ứng dụng AI trong giáo dục y khoa. Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu “Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quan điểm của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ứng dụng AI trong học tập năm 2024-2025” mang ý nghĩa thực tiễn, góp phần cung cấp bằng chứng khoa học về nhận thức, thái độ và nhu cầu của sinh viên đối với AI.

*Tác giả liên hệ

Email: np Hung@ctump.edu.vn Điện thoại: (+84) 909754664 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD18.3443>

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 5/2024 đến tháng 5/2025.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong thời gian khảo sát.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: sinh viên đồng ý tham gia khảo sát nghiên cứu, sinh viên đang học tại trường từ năm 1 đến năm 6 thuộc các ngành y đa khoa, dược học, răng hàm mặt, kỹ thuật hình ảnh, xét nghiệm y học, điều dưỡng, hộ sinh, y tế công cộng, y học cổ truyền, kỹ thuật y sinh; sinh viên trả lời đầy đủ câu hỏi khảo sát.

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên không học tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ, sinh viên khảo sát đánh giá theo một mức độ duy nhất trong thang đo, sinh viên không điền đầy đủ thông tin khảo sát.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Theo Hair J.F và cộng sự [4], kích thước mẫu được xác định dựa vào kích thước tối thiểu để thực hiện phân tích SEM nên cỡ mẫu tối thiểu cần khảo sát là 300. Thực tế, số lượng mẫu chúng tôi lấy được trong nghiên cứu này là 1676 với phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

2.5. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện thu thập dữ liệu thông qua bộ câu hỏi tự điền thiết kế trên nền tảng Google Forms, gồm hai phần chính:

- Đặc điểm nhân khẩu học: giới tính, ngành học, năm học, thời gian và tần suất sử dụng AI, kinh nghiệm ứng dụng AI.

- Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quan điểm của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ứng dụng AI trong học tập năm 2024-2025: thang đo nghiên cứu gồm 14 biến quan sát, chia thành 3 cấu phần độc lập: ảnh hưởng xã hội - SI (4 biến), ảnh hưởng truyền thông - MI (4 biến), sự tin tưởng - C (3 biến) và 1 cấu phần phụ thuộc là quan điểm chung về ứng dụng AI - AI (3 biến). Các mục hỏi sử dụng thang Likert 5 mức độ (1: hoàn toàn không đồng ý đến 5: hoàn toàn đồng ý).

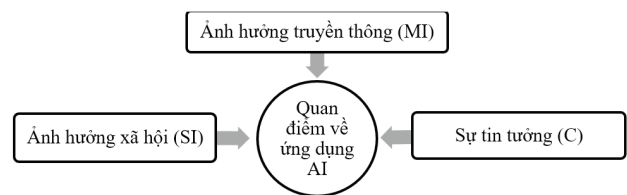
Nghiên cứu về chấp nhận công nghệ trong giáo dục và y tế dựa trên lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (unified theory of acceptance

and use of technology) hợp nhất nhiều lý thuyết với các cấu phần trung tâm gồm hiệu quả kỳ vọng, nỗ lực kỳ vọng, ảnh hưởng xã hội và điều kiện hỗ trợ [5]. Trong bối cảnh người học, ảnh hưởng xã hội được xác định là mức độ cá nhân cảm nhận rằng những người quan trọng (giảng viên, bạn học, nhà trường) kỳ vọng họ sử dụng công nghệ; cấu phần này có liên hệ trực tiếp với chuẩn mực xã hội và thường tiên đoán ý định sử dụng công nghệ của họ. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết như sau:

- H1: Ảnh hưởng xã hội (SI) - dự kiến tác động thuận chiều nhờ chuẩn mực từ giảng viên, bạn học và chính sách của nhà trường.

- H2: Ảnh hưởng truyền thông (MI) - dự kiến tác động thuận chiều gián tiếp/trực tiếp thông qua định hình kỳ vọng, lợi ích cảm nhận và chuẩn mực.

- H3: Sự tin tưởng (C) - dự kiến tác động thuận chiều vì gắn với an toàn, độ chính xác và đạo đức trong môi trường y tế.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Độ tin cậy thang đo được kiểm định bằng Cronbach's Alpha (điều kiện $\geq 0,7$). Phân tích nhân tố khám phá (EFA) dùng để rút trích các nhân tố tiềm ẩn, đánh giá hệ số KMO, Bartlett's test, tổng phương sai trích và hệ số tải nhân tố. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để kiểm định giá trị hội tụ (outer loading $\geq 0,7$; AVE $\geq 0,5$) và giá trị phân biệt (HTMT $\leq 0,9$). Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM/PLS-SEM) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của SI, MI, C đến AI; với các chỉ số đánh giá gồm hệ số chuẩn hóa (β), độ phù hợp mô hình (R^2), đa cộng tuyến (VIF), và kích thước hiệu ứng (f^2). Ngưỡng ý nghĩa thống kê được xác định tại $p < 0,05$.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0 và SmartPLS 4.0.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu này đã được phê duyệt bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (số phê duyệt 25.006.GV/PCT-HĐĐĐ).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Mô tả đặc điểm của mẫu nghiên cứu (n = 1676)

Đặc điểm mẫu nghiên cứu	Tần số	Tỉ lệ (%)
Giới tính		
Nam	671	40,0
Nữ	1005	60,0
Ngành học		
Dược học	1310	78,2
Răng hàm mặt	94	5,6
Kỹ thuật hình ảnh	30	1,8
Xét nghiệm y học	41	2,4
Điều dưỡng	76	4,5
Hộ sinh	14	0,8
Y tế công cộng	17	1,0
Y học cổ truyền	94	5,6
Anh/chị có chứng chỉ tin học hay không?		
Có	858	51,2
Không	818	48,8
Anh/chị có hiểu về công nghệ AI và các ứng dụng của nó trong học tập hay không?		
Có	1506	89,9
Không	170	10,1
Anh /chị có từng sử dụng AI hỗ trợ trong học tập không?		
Có	1594	95,1
Không	82	4,9
Anh/chị có cho rằng sử dụng AI trong học tập giúp nâng cao hiệu quả hơn so với phương pháp truyền thống hay không?		
Có	1549	92,4
Không	127	7,6

Đặc điểm mẫu nghiên cứu	Tần số	Tỉ lệ (%)
Anh/chị có thường xuyên tham gia các khóa tập huấn sử dụng công nghệ AI trong học tập không?		
Có	396	23,6
Không	1280	76,4
Anh/chị đã sử dụng thành thạo từ 2 công cụ AI trở lên trong học tập hay không?		
Có	849	50,7
Không	827	49,3
Anh/chị có giới thiệu ứng dụng AI đang dùng cho bạn bè, người thân không?		
Có	1282	76,5
Không	394	23,5
Anh/chị đã sử dụng AI trong học tập bao lâu?		
< 1 tháng	297	17,7
1-6 tháng	633	37,8
6 tháng đến 1 năm	270	16,1
> 1 năm	476	28,4
Tần suất sử dụng AI trong học tập của anh/chị?		
Hàng ngày	363	21,7
Vài lần trong tuần	966	57,6
Rất ít	347	20,7
Anh chị có dễ dàng tìm thấy tài liệu thông qua sử dụng AI không?		
Có	1456	86,9
Không	220	13,1
Anh/chị có tìm kiếm được các ứng dụng học tập sử dụng AI để phục vụ học tập không?		
Có	1412	84,2
Không	264	15,8
Công cụ AI có hỗ trợ anh/chị trong nghiên cứu và làm bài tập không?		
Có	1568	93,6
Không	108	6,4
Anh/chị có gặp khó khăn trong vấn đề chi trả cho các công cụ AI hay không?		
Có	1108	66,1
Không	568	33,9

Đặc điểm mẫu nghiên cứu	Tần số	Tỉ lệ (%)
Anh/chị có cảm thấy tự tin khi sử dụng AI trong học tập hay không?		
Có	1125	67,1
Không	551	32,9
Sử dụng AI có giúp quá trình học tập của anh/chị giảm bớt khó khăn và tăng năng suất hay không?		
Có	1518	90,6
Không	158	9,4

Nghiên cứu ghi nhận nữ giới chiếm ưu thế so với nam giới với tỷ lệ 6:4. Phần lớn là sinh viên ngành dược (78,2%). Có 95,1% từng sử dụng AI trong học tập; 67,1% tự tin khi dùng AI; 90,6% cho rằng AI giúp giảm khó khăn/tăng năng suất.

3.2. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quan điểm của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ứng dụng AI trong học tập năm 2024-2025

3.2.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 2. Mô tả thang đo và độ tin cậy của thang đo

Cấu phần		
Số biến	$\bar{X} \pm SD$	Cronbach's Alpha
Ảnh hưởng xã hội (SI)		
4	3,5840 $\pm$ 0,79981	0,952
Ảnh hưởng truyền thông (MI)		
4	3,3786 $\pm$ 0,76336	0,904
Sự tin tưởng (C)		
3	3,4000 $\pm$ 0,76369	0,912
Quan điểm chung về ứng dụng AI (AI)		
3	3,5744 $\pm$ 0,76540	0,881

Nghiên cứu ghi nhận điểm trung bình lớn nhất là ảnh hưởng xã hội (SI) với 3,5840 $\pm$ 0,79981 điểm. Độ tin cậy Cronbach's Alpha đều $\geq 0,7$ với giá trị lần lượt là 0,952 (SI); 0,904 (MI); 0,912 (C); 0,881 (AI) cho thấy thang đo ổn định.

3.2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Bảng 3. Mô tả kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho biến độc lập

Rotated Component Matrix ^a			
	Component		
	1	2	3
SI2	0,863		
SI4	0,862		
SI1	0,844		
SI3	0,821		
MI1		0,801	
MI3		0,801	
MI4		0,777	
MI2		0,732	
C3			0,831
C2			0,786
C1			0,767
KMO	0,935		
Kiểm định Bartlett's	0,000		
Eigenvalue	6,919		
Phương sai trích (%)	83,687%		

Nghiên cứu ghi nhận giá trị phương sai trích đạt trên 70% (83,687%); đồng thời, hệ số KMO = 0,935 ($0,5 \leq KMO \leq 1$) và giá trị Sig. (mức ý nghĩa) của kiểm định Bartlett (0,000; thỏa điều kiện nhỏ hơn 0,05); 3 nhóm nhân tố được trích tại trị số Eigenvalue (giá trị đặc trưng) = 6,919 (> 1) đều thỏa mãn điều kiện, chúng tôi tiếp tục tiến hành phân tích EFA cho các yếu tố tiêu mục trong các cấu phần độc lập.

Bảng 4. Mô tả kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho biến phụ thuộc

Component Matrix ^a	
	Component
	1
AI3	0,909
AI1	0,901
AI2	0,887
KMO	0,742
Kiểm định Bartlett's	0,000
Eigenvalue	2,424
Phương sai trích (%)	80,804%

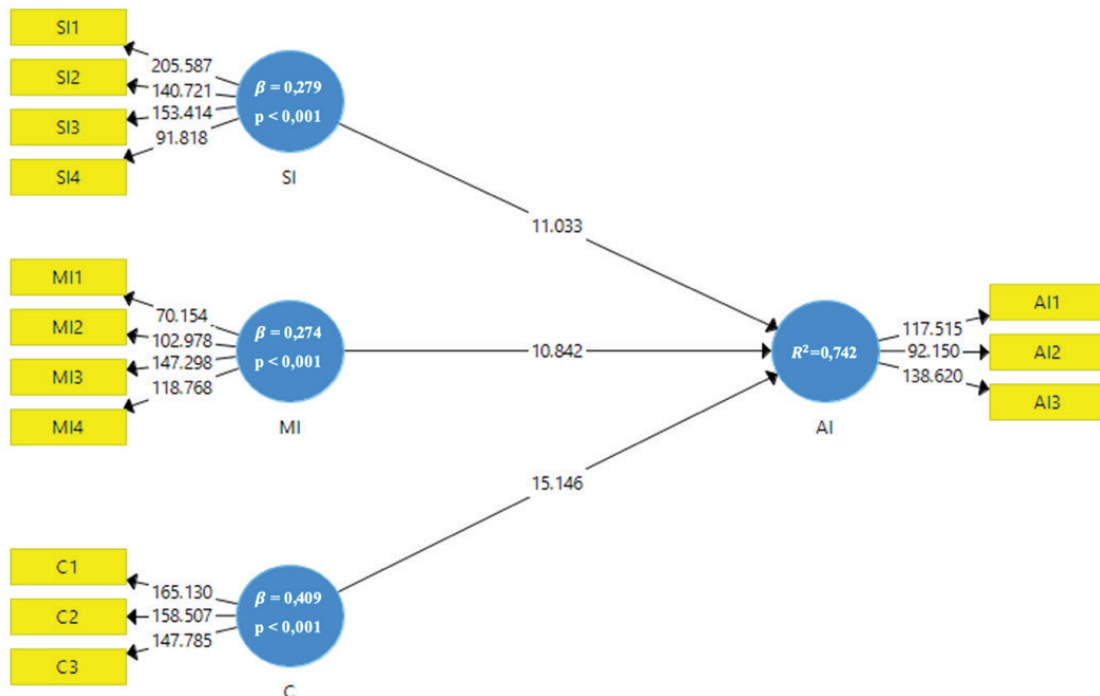
Kết quả phân tích cho kết quả đạt yêu cầu với KMO = 0,742. Kiểm định Bartlett's với giá trị Sig. = 0,000, trị số Eigenvalue = 2,424 (> 1) và có 1 nhân tố được rút trích. Tổng phương sai trích = 80,804%. Hơn 50% đều thỏa mãn điều kiện, phân tích EFA được tiến hành với các biến quan sát của cấu phần phụ thuộc (AI): quan điểm chung về ứng dụng AI.

3.2.3. Kết quả phân tích kiểm định mô hình đo lường và mối quan hệ giữa các nhân tố

Bảng 5. Mô tả kết quả đánh giá tính hội tụ, tính phân biệt trong phân tích CFA

	CR	AVE	AI	C	MI	SI
AI	0,927	0,808	-			
C	0,945	0,851	0,890	-		
MI	0,933	0,778	0,846	0,799	-	
SI	0,966	0,875	0,805	0,729	0,707	-

Nghiên cứu ghi nhận CR từ 0,927-0,966 và AVE từ 0,778-0,875 cho thấy giá trị hội tụ đạt chuẩn. Đồng thời, outer loading các biến quan sát $\geq 0,7$ chứng tỏ các biến quan sát có chất lượng [4]. Giá trị phân biệt đảm bảo theo HTMT $\leq 0,90$ giữa các cặp cấu phần. Mô hình đo lường đạt độ tin cậy, giá trị hội tụ và phân biệt, đủ điều kiện để kiểm định mô hình cấu trúc.



Hình 2. Sơ đồ mô hình SEM với các hệ số đường dẫn chuẩn hóa

Bảng 6. Mô tả kết quả mô hình cấu trúc SEM

Biến số	β (chuẩn hóa)	t	p	f^2	VIF
C $\rightarrow$ AI	0,409	20,745	< 0,001	0,259	2,511
SI $\rightarrow$ AI	0,279	15,513	< 0,001	0,141	2,090
MI $\rightarrow$ AI	0,274	14,309	< 0,001	0,125	2,381

Kết quả từ hình 2 và bảng 6 cho thấy cả 3 yếu tố sự tin tưởng (C), ảnh hưởng xã hội (SI) và ảnh hưởng truyền thông (MI) đều có tác động dương, có ý nghĩa thống kê đến quan điểm chung về ứng dụng AI ($p < 0,001$). Sự tin tưởng là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất; $R^2 = 0,742$ cho thấy mô hình giải thích tốt biến thiên quan điểm. Đồng thời, Các hệ số β , f^2 và VIF khẳng định vai trò nổi trội của sự tin tưởng, đồng thời cho thấy SI và MI cũng có tác động đáng kể. Chỉ số VIF < 3 loại trừ nguy cơ đa cộng tuyến, củng cố độ tin cậy của mô hình.

4. BÀN LUẬN

Ở giai đoạn 2024-2025, nghiên cứu ghi nhận có 1676 sinh viên thuộc các ngành học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã đồng thuận tham gia nghiên cứu. Kết quả cho thấy mức độ tiếp xúc với AI cao trong cộng đồng sinh viên y dược tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, phù hợp xu hướng chung là thái độ tích cực nhưng kiến thức/kỹ năng còn cần được chuẩn hóa qua đào tạo chính khóa. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu tổng quan hệ thống gần đây ghi nhận thái độ tích cực của sinh viên ngành y tế đối với AI [6], tuy nhiên năng lực hiểu biết về AI thì chỉ ở mức trung bình, từ đó nhấn mạnh vai trò của việc tích hợp AI vào chương trình đào tạo đại học nói chung và ngành y tế nói riêng. Tại Việt Nam, kết quả này cũng tương đồng với khảo sát của Nguyễn Minh Trường và cộng sự về kiến thức về AI còn hạn chế dù thái độ tích cực và tiếp xúc đào tạo liên quan làm tăng đáng kể xác suất có kiến thức đầy đủ [7].

Nghiên cứu đã xây dựng được thang đo một số yếu tố liên quan đến quan điểm sử dụng AI trong học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với 4 thang đo (SI, MI, C, AI) đều đạt độ tin cậy rất cao (Cronbach's Alpha = 0,881-0,952), điểm trung bình dao động từ 3,38-3,58 trên thang Likert 5 mức độ. Phân tích EFA cho các biến độc lập cho thấy KMO = 0,935, Bartlett $p < 0,001$, rút trích 3 nhân tố với tổng phương sai trích 83,687%; các nhân tố tải đều $\geq 0,732$ và phân nhóm đúng theo SI, MI, C. Với biến phụ thuộc AI, KMO = 0,742, Eigenvalue = 2,424, phương sai trích 80,804%; các tải AI1-AI3 đều $\geq 0,887$. Như vậy, cấu trúc đo lường có tính hội tụ tốt ngay từ bước

khám phá, là tiền đề cho bước xác nhận.

3 đường dẫn C $\rightarrow$ AI ($\beta = 0,409$; $f^2 = 0,259$), SI $\rightarrow$ AI ($\beta = 0,279$; $f^2 = 0,141$), MI $\rightarrow$ AI ($\beta = 0,274$; $f^2 = 0,125$) đều dương và có ý nghĩa thống kê; $R^2(\text{AI}) = 0,742$ cho thấy mô hình giải thích tốt biến thiên quan điểm; VIF < 3 loại trừ đa cộng tuyến. Sự tin tưởng là yếu tố mạnh nhất, phù hợp với bằng chứng gần đây rằng niềm tin (độ chính xác, an toàn, minh bạch) là điều kiện tiên quyết để chấp nhận AI trong ngành y tế [9].

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy thang đo về ảnh hưởng xã hội, ảnh hưởng truyền thông, sự tin tưởng và quan điểm về ứng dụng AI đạt độ tin cậy cao và giá trị đo lường tốt. Mô hình SEM khẳng định sự tin tưởng là tiền tố mạnh nhất. Vì vậy, cần ưu tiên các giải pháp gia cố niềm tin dựa trên đào tạo chính khóa cho sinh viên một cách hiệu quả và an toàn, đồng thời tận dụng chuẩn mực xã hội và truyền thông định hướng để thúc đẩy tích hợp AI hiệu quả vào dạy-học trong ngành y tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ejaz H, McGrath H, Wong B.L, Guise A, Vercauteren T, Shapey J. Artificial intelligence and medical education: A global mixed-methods study of medical students' perspectives. *Digital Health*, 2022, 8: 20552076221089099.
- [2] Buabbas A.J, Miskin B, Alnaqi A.A, Ayed A.K, Shehab A.A, Syed-Abdul S et al. Investigating students' perceptions towards artificial intelligence in medical education. *Healthcare*, 2023, MDPI.
- [3] Weidener L, Fischer M. Artificial intelligence in medicine: cross-sectional study among medical students on application, education, and ethical aspects. *JMIR medical education*, 2024, 10 (1): e51247.
- [4] Hair J.F, Black W.C, Babin B.J, Anderson R.E. *Multivariate data analysis: Pearson new international edition PDF eBook: Pearson Higher Ed*, 2013.
- [5] Ursavaş Ö.F. Unified Theory of Acceptance and Use of Technology Model (UTAUT). *Conducting Technology Acceptance Research in Education: Theory, Models, Implementation, and Analysis: Springer*, 2022, p. 111-33.
- [6] Amiri H, Peiravi S, Rezazadeh Shojaee S.S, Rouhparvarzamin M, Nateghi M.N, Etemadi M.H et al. Medical, dental, and nursing students' attitudes and knowledge towards artificial intelligence: a systematic review and meta-analysis. *BMC Medical Education*, 2024, 24 (1): 412.
- [7] Truong N.M, Vo T.Q, Tran H.T.B, Nguyen H.T,

- Pham V.N.H. Healthcare students' knowledge, attitudes, and perspectives toward artificial intelligence in the southern Vietnam. *Heliyon*, 2023, 9 (12).
- [8] Dang N.B, Phan Q.N, Tran N.H. Curious but Unprepared: Healthcare Students' Perspectives on AI and Robotics in Care and the Need for Curriculum Reform. *International Medical Education*, 2025, 4 (3): 30.
- [9] Shevtsova D, Ahmed A, Boot I.W.A, Sanges C, Hudecek M, Jacobs J.J.L et al. Trust in and Acceptance of Artificial Intelligence Applications in Medicine: Mixed Methods Study. *JMIR Hum Factors*, 2024, 11: e47031.
- [10] Weidener L, Fischer M. Artificial Intelligence in Medicine: Cross-Sectional Study Among Medical Students on Application, Education, and Ethical Aspects. *JMIR Med Educ*, 2024, 10: e51247.